

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124 /2021/HNGĐ – ST
Ngày: 28/5/2021
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn
2. Ông Phạm Ngọc Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2020/QĐST – HNGĐ ngày 10/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1982.(có mặt)

Địa chỉ: Số 61/61, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 61/61, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 28/01/2021 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là ông Nguyễn Thành T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà L do mai mối, sau đó tiến tới hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới vào năm 2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L có người đang ông khác, nên vợ chồng có xảy ra

cãi vã, ông T có dùng vũ lực với bà L dẫn đến việc bà L bỏ nhà đi từ trước tết năm 2020. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về quan hệ con chung: Ông T, bà L có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Hiếu N, sinh ngày 27/01/2005 và Nguyễn Huỳnh Ánh X, sinh ngày 21/02/2014. Sau khi vợ chồng ly thân bà L dẫn theo hai con về nhà ngoại ở xã Phú An, huyện Phú Tân sinh sống cho đến nay. Sau khi ly hôn ông T đồng ý để hai con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, ông T sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà L.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

+ *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến nay:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và N vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và N vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và còn phải chịu hậu quả pháp lý.

- Về nội dung:

Áp dụng: Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về quan hệ con chung:

+ Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Hiếu N, sinh ngày 27/01/2005 và Nguyễn Huỳnh Ánh X, sinh ngày 21/02/2014. Sau khi ly hôn ông T đồng ý để bà L tiếp tục nuôi dưỡng 02 con,

+ Do ông T có yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, chị L không có ý kiến nên áp dụng điều 82, điều 116 luật HNGĐ, áp dụng công văn số 24/1999/KHX ngày 17/03/1999 của HĐTP TATC (Mục 2, phần II) anh T không trực tiếp nuôi con thì có N vụ cấp dưỡng cho 2 cháu mỗi cháu ½ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định, hiện nay tương đương là 745.000đồng/1 tháng/ 1 cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa ông Nguyễn Thành T với bà Huỳnh Thị Kim L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của Huỳnh Thị Kim L và được Công an phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên cung cấp thông tin: “Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1985 thường trú số 61/61, khóm Mỹ Phú, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang”. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà L do mai mối, sau đó tiến tới hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới vào năm 2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L có người đang ông khác, nên vợ chồng có xảy ra cãi vã, ông T có dùng vũ lực với vợ dẫn đến việc bà L bỏ nhà đi từ trước tết năm 2020. Vợ chồng đã ly thân từ 2020 đến nay. Ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà L.

[2.2] Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú đồng thời cũng gửi về địa chỉ mà bà L đang sinh sống ở số 754, ấp Phú Quới, xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, bà L vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của ông T và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, bà L đã từ bỏ quyền và N vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng N với việc bà không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên ông T và tạo thêm thời gian để vợ chồng ông T bà L có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, ông T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì theo ông T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc bà L có người đàn ông khác nên ông T đã đánh bà L dẫn đến vợ chồng cãi vã và ly thân, bà L đã đưa hai con chung về huyện Phú Tân sinh sống. Mặt khác, từ khi bà L bỏ đi đến nay theo ông T trình bày vợ chồng cũng chưa lần nào gặp nhau để hàn gắn tình cảm cũng như giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của ông T dành cho vợ không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông T, bà L không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh

phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà L.

[2.4] Về con chung: Ông T và bà L có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Huỳnh Hiếu N, sinh ngày 27/01/2005 và Nguyễn Huỳnh Ánh X, sinh ngày 21/02/2014. Lời khai của ông T phù hợp với bản sao trích lục khai sinh số 24 và số 65 ngày 21/12/2020 do Ủy ban nhân phường Mỹ Thới cấp. Xét thấy, hiện nay cháu N và X đang sống với mẹ, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có ra thông báo số 127/TB-TA ngày 25/02/2021 yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim L đưa hai cháu đến Tòa án để thực hiện thủ tục ghi nguyện vọng của hai cháu theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, đến nay thì bà L vẫn chưa thực hiện theo yêu cầu của Tòa án, mặt khác ông T cũng không tranh chấp về con chung và đồng ý để bà L tiếp tục nuôi hai con chung. Do đó nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao hai con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có N vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn. Ông T phải có N vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Bà L và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn bà L cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] **Về án phí:** Ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm và án phí đối với N vụ cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T. Ông Nguyễn Thành T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Hiếu N, sinh ngày 27/01/2005 và Nguyễn Huỳnh Ánh X, sinh ngày 21/02/2014 cho bà Huỳnh Thị Kim L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung.

Ông Nguyễn Thành T phải có N vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, mỗi cháu là 745.000đ/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ khi bản án có hiệu lực đến khi hai con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Hiếu N và Nguyễn Huỳnh Ánh X trưởng thành (đủ 18 tuổi). Mức cấp dưỡng sẽ được thay đổi theo từng thời điểm mà pháp luật có quy định.

Bà L cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông T thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Thành T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với N vụ cấp dưỡng nuôi con. Do ông T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009317 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông T còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Thành T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Huỳnh Thị Kim L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND P.Mỹ Thới;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh

